TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04 /2025/QĐST - DS	*Ninh Bình, ngày 20 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 100 Luật tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 24/2025/TLST- DS ngày 05 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Công ty cổ phần M (MARS); địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội (trước đây là phường D, quận C, thành phố Hà Nội).

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T. Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T1. Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ miền B. *(theo văn bản ủy quyền số 1616/2024/UQ-GĐ ngày 04/11/2024 của Giám đốc Công ty M).*

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Huy H, bà Vũ Thị Thu H1 và ông Lê Thanh B, đều là chuyên viên xử lý nợ. *(theo văn bản uỷ quyền số 1225/2025/UQ-MARS ngày 01/4/2025 của Trưởng phòng xử lý nợ miền Bắc Công ty cổ phần M v/v khởi kiện và tham gia tố tụng tại Tòa).*

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần V (Ngân hàng V1); địa chỉ: Tòa nhà V, số H L, phường L, thành phố Hà Nội (trước đây là phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội).

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm thu hồi KHDN&Xử lý nợ pháp lý. *(theo văn bản ủy quyền số 38a/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V).*

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Tất T2 là chuyên viên xử lý nợ. *(theo văn bản ủy quyền số 04/2025/UQ-VPB (MARS) ngày 05/02/2025 của Giám đốc trung tâm thu hồi nợ KHDN & Xử lý nợ Pháp lý v/v khởi kiện và tham gia tố tụng tại Tòa án).*

- Bị đơn: Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1976; địa chỉ: xóm A, xã Đ, tỉnh Ninh Bình (trước đây là xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền nợ phải thanh toán:

- Tổng số tiền nợ gốc của các hợp đồng tín dụng của bà Phạm Thị T3 hiện còn nợ đối với Công ty cổ phần M và Ngân hàng V1, tạm tính đến ngày 11/8/2025 là: 888.074.435 đồng (tám trăm tám mươi tám triệu không trăm bẩy mươi tư nghìn bốn trăm ba mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc: 766.131.984 đồng, nợ lãi: 114.327.719 đồng và lãi chậm trả: 7.614.732 đồng. Cụ thể:

Nợ Công ty M (90%) tổng số tiền nợ là 799.266.992 đồng (bẩy trăm chín mươi chín triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi hai đồng), trong đó: nợ gốc: 689.518.786 đồng, nợ lãi: 102.894.947 đồng và lãi chậm trả: 6.853.259 đồng.

Nợ Ngân hàng V1 (10%) tổng số tiền nợ là: 88.807.443 đồng (tám mươi tám triệu tám trăm linh bẩy nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng) trong đó: nợ gốc: 76.613.198 đồng, nợ lãi: 11.432.772 đồng và lãi chậm trả: 761.473 đồng.

2. Về phương thức thanh toán:

2.1. Vào ngày 11/10/2025 bà Phạm Thị T3 có nghĩa vụ thanh toán xong toàn bộ số nợ nêu trên cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng V1. Trong thời gian tiếp theo kể từ ngày 12/8/2025 cho đến ngày thanh toán xong số tiền còn nợ nêu trên, bà Phạm Thị T3 phải chịu khoản tiền phát sinh, theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán dịch vụ ngân hàng Đ; Hợp đồng cho vay và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ trước đây đã ký kết với ngân hàng.

2.2. Trường hợp bà Phạm Thị T3 không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty M và V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản bà Phạm Thị T3 đã thế chấp cho các khoản vay để thu hồi nợ là toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số: 8, địa chỉ: xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là xóm A, xã K, tỉnh Ninh Bình) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI296254, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: CS00224/CN-KĐ do Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 23/12/2022 mang tên bà Phạm Thị T3, theo Hợp đồng thế chấp số 8149481 ngày 17/01/2023.

2.3. Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm khi kê biên phát mại không đủ thanh toán toàn bộ nợ cho Công ty M và V1 thì Công ty M và V1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của bà Phạm Thị T3 để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ cho Công ty M và V1 theo quy định.

2.4. Về chi phí tố tụng: Công ty cổ phần M và Ngân hàng V1 thống nhất tự chịu nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: bà Phạm Thị T3 phải nộp số tiền 19.321.000 đồng (mười chín triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn đồng đã được làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Trả lại số tiền 18.032.000 đồng (mười tám triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng V1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002034 ngày 29/4/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Ninh Bình (trước đây là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND khu vực 4 - Ninh Nình;*
- *Thi hành án DS tỉnh Ninh Bình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Vũ Nhật Trung